

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-2025

“Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em –Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 203/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Quốc Th, sinh năm 1981 (Có mặt)

Căn cước công dân: 038081017974.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Tây Ninh (trước đây là ấp T, xã M, huyện X, tỉnh Long An).

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Đ, sinh năm 1981 (Có mặt)

Căn cước công dân: 038181027910.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Tây Ninh (trước đây là ấp T, xã M, huyện X, tỉnh Long An).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trịnh Quốc Th trình bày tóm tắt như sau:

Ông với bà Trịnh Thị Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện X, tỉnh Long An vào ngày 03 tháng 02 năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó vì nhiều bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay ông Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đ.

Về nuôi con chung: Ông và bà Trịnh Thị Đ có 01 con chung tên Trịnh Ngọc L, sinh ngày 17/02/2014. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông Trịnh Quốc Th xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trịnh Quốc Th xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trịnh Thị Đ có ý kiến trình bày:

Bà Đ thống nhất với lời trình bày của ông Trịnh Quốc Th về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, bà cho rằng về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng và do còn thương chồng thương con nên bà không đồng ý ly hôn với ông Th. Bà mong muốn tạo cơ hội để vợ chồng hòa giải hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con chung.

Về nuôi con chung: Bà và ông Th có 01 con chung tên Trịnh Ngọc L, sinh ngày 17/02/2014. Trong trường hợp Tòa án quyết định cho ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000đồng.

Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trịnh Thị Đ xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2025, cháu Trịnh Ngọc L có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được nên Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Quốc Th không rút, bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu và ý kiến trình bày. Bị đơn bà Đ trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với ông Trịnh Quốc Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Ông Trịnh Quốc Th yêu cầu ly hôn với bà Trịnh Thị Đ. Xét thấy, ông Th và bà Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa bà Đ cũng đồng ý ly hôn với ông Th nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Th. Về con chung: Cháu Trịnh Ngọc L, sinh ngày 17/02/2014 có nguyện vọng là muốn sống cùng với mẹ và tại phiên tòa ông Th cũng đồng ý giao cháu Linh cho bà Đ nuôi dưỡng, ông Th đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình ghi nhận. Về chia tài sản, nợ chung: Các bên xác định tự thỏa thuận tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trịnh Quốc Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trịnh Thị Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Quốc Th và bà Trịnh Thị Đ có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện X, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/02/2015 (Giấy đăng ký số 13/2015, quyển số 01/2015) nên quan hệ hôn nhân giữa ông Trịnh Quốc Th và bà Trịnh Thị Đ là

hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của ông Trịnh Quốc Th đối với bà Nguyễn Thị Đường, thấy rằng: Ông Th trình bày cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau đó vì nhiều bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Đ. Bà Đ cho rằng giữa đời sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn không đến mức trầm trọng. Tại phiên tòa, ông Th vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn và bà Đ cũng đồng ý ly hôn với ông Th. Xét thấy, hai bên hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Th và bà Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trịnh Quốc Thắng.

[2.3] Về nuôi con chung: Ông Trịnh Quốc Th và bà Trịnh Thị Đ thống nhất xác định có 01 con chung là Trịnh Ngọc L, sinh ngày 17/02/2014. Xét thấy, cháu Ngọc Linh do bà Đ đang nuôi dưỡng và cháu có nguyện vọng là muốn sống cùng với mẹ. Ông Th trình bày ông đồng ý để bà Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu, nên căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Ngọc Linh cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ông Th và bà Đ ly hôn.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000đồng và ông Th cũng tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phù hợp với quy định tại các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Ông Trịnh Quốc Th và bà Trịnh Thị Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Ông Trịnh Quốc Th và bà Trịnh Thị Đ xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn ông Trịnh Quốc Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Quốc Th về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với bà Trịnh Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Ông Trịnh Quốc Th được ly hôn với bà Trịnh Thị Đ.
2. Về quyền nuôi con chung: Bà Trịnh Thị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trịnh Ngọc L, sinh ngày 17/02/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trịnh Quốc Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Ông Trịnh Quốc Th và bà Trịnh Thị Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Trịnh Quốc Th và bà Trịnh Thị Đ xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Trịnh Quốc Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010119 ngày 26/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3-Tây Ninh) sang án phí để thi hành. Ông Trịnh Quốc Th còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 3 – Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Đ, tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm